TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2018/HC-ST
Ngày: 17/9/2018
V/v *"Kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Sương
Bà Nguyễn Thị Quang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Mỹ Tho - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST-HC ngày 22/5/2018, về việc khiếu kiện: "Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HC ngày 20/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐXXST-HC ngày 04/9/2018 Quyết định thay đổi người T1 hhành tố tụng số 37/2018/QĐXXST-HC ngày 17/9/2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn C, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị M, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền của ông C và bà M: Ông Trần Văn T, có mặt;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh B, vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Phan Văn M - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B, có mặt;

Cùng địa chỉ: Phường P, TP.B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện L, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P - Phó Chủ tịch UBND huyện L, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thanh L, có mặt;

Cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, có mặt;

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị C, vắng mặt;

Địa chỉ: Xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Ông Trần Thanh H, vắng mặt;

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN THẤY:

Ngày 04/10/2013 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2222/QĐ-UBND thu hồi 13.498,7m^2 đất tại xã P, huyện L do UBND xã P quản lý (trong đó có 265,0m^2 đất hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M khởi kiện) để xây dựng công trình Trường tiểu học bán trú xã P, huyện L.

Ngày 26/12/2013 UBND huyện L ban hành Quyết định số 4016/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, nhưng không bồi thường hỗ trợ, không giao đất ở mới cho ông C, bà M; do đó C, bà M đã khiếu nại và khởi kiện vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Cơ sở yêu cầu hủy các quyết định của UBND huyện L và Chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị UBND huyện L giao đất ở mới cho ông C bà M:

- Năm 1993 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M khai phá được 265,0m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 46 tại xã P, huyện L trên đất có một căn nhà cấp 4; ông C bà M sử dụng liên tục đến năm 2012 thì bị thu hồi đất. Việc sử dụng đất không ai không tranh chấp, có sổ đăng ký chủ hộ KT3 dài hạn. Căn nhà trên lợp tôn có 3 thế hệ gia đình ông C sinh sống có các nhân chứng xác nhận.

- Năm 2006 cơn bão số 9 làm sập nhà ông C bà M được Nhà nước hỗ trợ 8.000.000đồng. Gia đình vẫn tiếp tục sửa chữa nhà ở cùng với 2 cháu mồ côi.

- Ông C và bà M thuộc hộ nghèo giai đoạn từ năm 2011-2014 theo chuẩn tỉnh, năm 2016 được cấp sổ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giai đoạn từ năm 2016-

2020. Điều đó chứng minh hộ ông C là hộ riêng chứ không phải hộ chung với ông Nguyễn Văn T1.

- Năm 2011 căn nhà tiếp tục bị sập nên ông C phải sang ở nhờ nhà con - ông Nguyễn Văn T1 và nhập khẩu nhà ông T1 chứ không phải có nhà ở.

Hiện nay thửa đất bị thu hồi còn nền nhà và còn 01 phần mái lá; không trồng cây hoặc sử dụng nhà là do đất bị ngập mặn không thể canh tác được.

- Tại buổi xét họp ngày 24/8/2015 hộ ông T2, hộ ông V, hộ bà L và hộ ông Trần Văn H chưa có nhà và không có hộ khẩu thời điểm đó nhưng được bồi thường và cấp tái định cư; riêng hộ ông C không được.

- UBND huyện cho rằng trường hợp hộ ông C nếu được xét giao đất ở mới thì phải thu tiền sử dụng đất là không đúng, vì ông C đủ điều kiện được giao đất ở không nộp tiền sử dụng đất. Đồng thời đề nghị UBND huyện L cho biết trước năm 2012 gia đình ông C sống ở đâu.

Do UBND huyện thu hồi đất nhưng không giao đất ở mới cho hộ ông C, nên ông C khiếu nại, ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện Lban hành Quyết định số 962/QĐ-UBND (**Quyết định số 962**) nội dung bác đơn khiếu nại của ông C, bà M. Không đồng ý ông C khiếu nại lần 2, ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3221/QĐ-UBND (**Quyết định số 3221**) bác đơn khiếu nại của ông C, bà M.

Ông C và bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 962 và Quyết định số 3221 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C, bà M.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Qua kiểm kê và rà roát hồ sơ địa chính, hồ sơ xét cấp đất của địa phương từ năm 2006 đến năm 2014 thửa đất thu hồi của ông C là đất trống. Có thể trước năm 2006 gia đình ông C có sử dụng nhưng từ năm 2006 do bão làm sập nhà thì ông C không ở nữa, đến năm 2012 nhà bị sập nên ông C bà M đến ở nhà con là ông Nguyễn Văn T1.

Về nguyên tắc Nhà nước bồi thường theo thực tế kiểm kê chứ không xem xét các yếu tố trước đó.

Thực tế xung quanh khu vực đất ông C, có một số hộ gia đình cá nhân vẫn ở và có vật kiến trúc trên đất nên được xét tái định cư hoặc giao đất ở mới.

- Về yêu cầu giao đất tái định cư và giao đất ở mới: Hộ ông C không thuộc diện tái định cư vì là đất công do nhà nước quản lý, trên đất không có nhà ở theo Điều 5 Quyết định số 13/2010 của UBND tỉnh B.

- Do không đủ điều kiện cấp tái định cư nên UBND huyện có đề xuất hỗ trợ theo quy định của khoản 1 Điều 55, điểm g khoản 2 Điều 118 Luật đất đai năm 2013 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên

hộ ông C cũng không đủ điều kiện giao đất ở theo quy định trên, lý do: Hộ ông C mới nhập khẩu vào nhà ông T1 ngày 22/6/2016 (sau thời điểm xét bồi thường, tái định cư của dự án). Ông T1 là chủ hộ đã có nhà ở, đất ở ổn định tại thửa đất 1082 tờ bản đồ số 14 xã P. Nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông C, bà M.

Quá trình tham gia tố tụng người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày:

Xác định 265,0m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 46 tọa lạc tại tổ 18 ấp T, xã P, huyện L do Nhà nước quản lý; gia đình ông C không sử dụng, không có nhà ở tại thửa đất bị thu hồi. Đối chiếu với các quy định pháp luật, hộ ông C không đủ điều kiện xem xét giao 01 lô đất ở mới để ổn định cuộc sống. Nên Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3221 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C có nội dung: Bác khiếu nại của ông C là đúng pháp luật.

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh B giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 03/11/2017.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà không biết nguồn gốc đất của ông C bà M. Năm 2008 bà mới tham gia công tác trong ấp, bà biết gia đình C có 01 nhà tạm trên đất bị thu hồi, theo hồ sơ quản lý của địa phương hộ ông C có sổ KT3 tại ấp T, xã P. Năm 2011 gia đình ông C được công nhận là hộ nghèo. Năm 2012 khi Nhà nước đi kiểm kê, bà có tham gia vào đoàn kiểm kê, xác định: Trên đất không còn căn nhà nguyên vẹn do bị xuống cấp, chỉ còn khung sườn bằng gỗ và vài tấm tôn, bà không nhớ chính xác trên đất có trồng cây hay sử dụng vật kiến trúc gì không.

2. Ông Trần Thanh H trình bày:

Năm 1991 tách tỉnh Đ cũ thành tỉnh Đ và tỉnh B. Năm 1992 theo chủ trương của tỉnh và huyện về việc giải tỏa dân chiếm đất rừng dương, rừng phòng hộ, đưa về khu vực chùa M (hiện nay là ấp T) để sinh sống. Năm 1993 người dân các nơi di dân đến phần đất ruộng thuộc khu vực Chùa M ở trong đó có hộ ông C bà M đến cất nhà để ở, làm kinh tế. Thời điểm này các hộ dân mua bán đất chỉ lập bằng giấy tay. Theo bản đồ 299 đo bao năm 1983 khu vực đất ông C là đất ruộng, riêng xã P năm 1997 mới đo đạc bản đồ địa chính. Nhà nước chưa cho họ đăng ký trong sổ mục kê do đất có nguồn gốc là đất ruộng của chủ cũ. Ông xác định phần đất của ông C là phần đất ruộng, thời điểm này không xác định được ai là chủ cũ chứ không phải đất nhà nước. Phần đất Nhà nước quản lý ở phía trên cao hơn và đã cấp cho các hộ di dân từ khu vực rừng dương xuống.

Đại diện VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa

người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông C và bà M cho rằng sử dụng 265,0m^2 đất thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 14, xã P, huyện L từ năm 1993, trên đất có một căn nhà cấp 4, ông C bà M sử dụng liên tục đến năm 2012 thì bị thu hồi đất; tuy nhiên ông C, bà M không có giấy tờ pháp lý chứng minh. Căn cứ hồ sơ địa chính thì 265,0m^2 đất là một phần thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 14 xã P, huyện L do UBND xã P đăng ký quản lý trong sổ mục kê năm 1998 và năm 2006. Thời điểm thu hồi đất thì ông C bà M không sử dụng đất, không có tài sản trên đất, nên không có cơ sở bồi thường hỗ trợ về đất, do đó không đủ điều kiện giao đất ở mới theo qui định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2010 của UBND tỉnh B; Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận đơn của ông C bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Về xác định đối tượng khởi kiện và thẩm quyền: Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Chủ tịch UBND huyện L (*Quyết định số 962*) và Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B (*Quyết định số 3221*) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Văn bản số 6043/UBND-TNMT ngày 15/11/2016 của Chủ tịch UBND huyện L (*Văn bản số 6043*) liên quan trực tiếp đến hai quyết định trên nên phải được xem xét theo qui định tại khoản 1 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 19/4/2018 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M khởi kiện Quyết định số 3221 và Quyết định số 962 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C, bà M còn thời hiệu khởi kiện theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về trình tự thủ tục và thẩm quyền: Quyết định số 962 và Quyết định số 3221 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo Luật Khiếu nại năm 2011 và Luật đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung:

[4.1] Ông C và bà M cho rằng năm 1993 khai phá được 265,0m^2 đất thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 14 tại tổ 18 ấp T, xã P, huyện L, trên đất có một căn nhà cấp 4; ông C bà M sử dụng liên tục đến năm 2012 thì bị thu hồi đất. Việc sử dụng đất không ai không tranh chấp; tuy nhiên ông C, bà M đều không có giấy tờ pháp lý chứng minh.

[4.2] Căn cứ hồ sơ địa chính thì 265,0m^2 đất là một phần thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 14 xã P, huyện L được UBND xã P đăng ký quản lý trong sổ mục kê năm 1998 và năm 2006, đến thời điểm bị thu hồi đất thì ông C bà M không sử dụng đất, không có tài sản trên đất, nên không có cơ sở bồi thường hỗ trợ về đất, do đó cũng không đủ điều kiện giao đất ở mới theo qui định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh B như sau:

"3. *Hộ gia đình, cá nhân **phải di chuyển chỗ** ở do bị thu hồi, giải tỏa không thuộc đối tượng tái định cư, không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi bị thu hồi giải tỏa (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu giao đất ở) thì được xem xét giao đất ở mới….."*

[4.3] Đại diện theo ủy quyền của ông C và bà M cho rằng phải áp dụng luật đất đai năm 2013 để giải quyết việc bồi thường và hỗ trợ giao đất ở mới cho ông C và bà M; ý kiến này không có cơ sở chấp nhận, vì đất bị thu hồi vào tháng 10/2013, trong khi luật đất đai năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01/7/2014.

[4.4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT nhận định ông C, bà M yêu cầu hủy Quyết định số 3221, Quyết định số 962 và Văn bản số 6043 là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông C, bà M là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các căn cứ trên không chấp nhận khởi kiện của ông C, bà M yêu cầu hủy Quyết định số 3221, Quyết định số 962 và Văn bản số 6043.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông C và bà M không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 4 Điều 32; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 5 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B, Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 và Văn bản số 6043/UBND - TNMT ngày 15/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M không phải nộp.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết; để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Đức Thiện